

**PHỤ LỤC SỐ VII**  
**BẢNG GIÁ ĐẤT HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG**

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ -HĐND ngày tháng năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

**1. Bảng giá đất ở tại đô thị**

STT	Tên đường phố, ngõ phố	Loại đô thị	Mốc xác định (Từ.....đến... ..)	Giá đất hiện hành theo QĐ 52/QĐ-UBND của UBND tỉnh (đồng/m <sup>2</sup> )	Giá đất đề nghị 05 năm (2015 - 2019)			Lý do điều chỉnh	Tỷ lệ tăng giá (%)	
					Giá đất đề nghị 05 năm (2015-2019) (đồng/m <sup>2</sup> )	Diễn giải				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
<b>Thị trấn Mường Khương</b>		<b>V</b>								
1	Quốc lộ 4		Từ ngã ba đường rẽ Nậm Chảy + 200m về phía Lào Cai đến giáp cửa hàng xăng dầu Thịnh Thành	700 000	900 000	200 000			Phù hợp giá trị trường	29
2			Từ cửa hàng xăng dầu Thịnh Thành đến ngã ba Hải quan	800 000	1 000 000	200 000			Phù hợp giá trị trường	25
3			Từ ngã ba Hải quan đến thôn Nhân Giồng (chân núi cô Tiên)	500 000	700 000	200 000			Phù hợp giá trị trường	40
4			Vị trí 1 đường Mường Khương - Sín Tền đoạn từ ngã ba đi thôn	300 000	400 000	100 000			Phù hợp giá trị trường	33

		Choán Ván đến hết thôn Lao Chải							
5		Từ giao điểm QL4 và QL4D đến công trụ sở UBND thị trấn	1 000 000	1 500 000	500 000			Tách từ đoạn "Từ giao điểm QL4 và QL4D đến đập tràn Tùng Lâu (đoạn tránh QL4). Xây dựng chợ trung tâm	50
6		Từ công trụ sở UBND thị trấn đến đập tràn Tùng Lâu (đoạn tránh quốc lộ 4)	1 000 000	1 800 000	800 000				80
7		Từ đập tràn Tùng Lâu đến đường rẽ đi tỉnh lộ ĐT 154	1 500 000	3 000 000	1 500 000			Dự án nâng cấp QL4, hình thành các cụm TTCN	100
8		Từ cầu mới Hàm Rồng đến hết đất bến xe khách mới của huyện trên đường đi Hà Giang	3 000 000	3 500 000	500 000			Phù hợp giá trị trường	17
9	Phố Mã Tuyên 1	Từ Quốc lộ 4D đến Quốc lộ 4 (đường gốc vải nối QL4 đoạn tránh thị trấn)	1 000 000	1 500 000	500 000			Phù hợp giá trị trường	50
10	Đường Giải phóng 11-11	Từ Hải quan đến cầu Trắng (Phố cũ 1)	1 700 000	2 500 000	800 000			Phù hợp giá trị trường	47
11		Từ cầu Trắng đến hết đất nhà bà Xuyên Toả	2 000 000	3 000 000	1 000 000			Phù hợp giá trị trường	50
12		Từ nhà bà Thanh Huân đến trường cấp 3 cũ	1 900 000	3 000 000	1 100 000			Tách từ đoạn "Từ nhà bà Thanh Huân đến hết ngã tư Na Bủ rẽ vào Na Đầy (hết	58

									đất nhà Thu Tiềm) - (STT 17 trong bảng giá năm 2014)	
13			Từ trường cấp 3 cũ đến hết ngã tư Na Bủ rẽ vào Na Đầy (hết đất nhà Thu Tiềm)	1 900 000	2 800 000	900 000				47
14			Từ ngã tư Na Bủ rẽ Na Đầy đến cầu Na Bủ	1 700 000	2 800 000	1 100 000			Phù hợp giá trị trường	65
15			Từ cầu Na Bủ đến giáp Bưu điện văn hoá thôn Hàm Rồng	1 300 000	2 500 000	1 200 000			Phù hợp giá trị trường	92
16			Từ Bưu điện văn hoá thôn Hàm Rồng đến đường rẽ lên UBND xã Tung Chung Phố	2 000 000	3 000 000	1 000 000			Phù hợp giá trị trường	50
17	Phố Na Khui		Từ sau đất nhà ông Kháng Xuân Ly đến Quốc lộ 4	800 000	900 000	100 000			Phù hợp giá trị trường	13
18	Phố Sao Đỏ		Từ cách đường Mường Khương - Pha Long 85 m (đường Viện Kiểm sát - Sàng Chải) đến nhà tình nghĩa	900 000	2 000 000	1 100 000			Phù hợp giá trị trường, nâng cấp đường bê tông, hệ thống thoát nước, chiếu sáng	122
19			Từ nhà tình nghĩa đến hết thôn Sàng Chải	600 000	700 000	100 000			Phù hợp giá trị trường	17
20			Từ ngã ba giáp thôn Sàng Chải đến đất nhà ông Cồ Pin Sẻng	600 000	700 000	100 000			Phù hợp giá trị trường	17
21	Đường Sàng Chải		Từ đường Giải phóng 11-11 đến hết nhà ông Cồ	600 000	700 000	100 000			Phù hợp giá trị trường	17

			Pin Sẻng						
22			Đường sau nhà Hoá Bẻng cách đường Mường Khương - Pha Long 85m đến hết đất nhà ông Tuấn Hạt	1 000 000	1 200 000	200 000		Điẻu chỉnh mốc xác định: Thay thể "nhà bà Dung Vu" bằng "nhà ông Tuấn Hạt"	20
23			Từ hết đất nhà ông Tuấn Hạt đến ngã ba trên bề nước cũ	700 000	800 000	100 000			14
24	Phó Thanh Niẻn		Từ đất nhà ông Thành Dương (đường vào trường cấp 3 mới) đến trường cấp 3	1 600 000	2 500 000	900 000		Phù hợp giá trị trường, nâng cấp đường, gần trường học	56
25	Phó Thanh Niẻn		Từ đất nhà ông Thuyền Bẻ đến trường cấp 3 mới	1 200 000	2 000 000	800 000		Phù hợp giá trị trường, nâng cấp đường, gần chợ, trường học	67
26	Đường Nội thị		Đường mới mở từ sau nhà Hà Tài đến hết đất nhà Kiều Hương	1 300 000	1 500 000	200 000		Phù hợp giá trị trường	15
27	Đường Nội thị		Từ đất nhà ông Diu đến giáp công chợ phụ	1 300 000	1 500 000	200 000		Điẻu chỉnh mốc xác định "Từ đất nhà bà Tiến đến hết đất nhà Bình Tường (giáp công chợ"	15

									<i>phụ)”</i> (STT 45 trong bảng giá năm 2014) điều chỉnh thành đoạn “ <i>Từ đất nhà ông Diu đến giáp công chợ phụ)”</i>	
28			Từ công chợ phụ đến phố Tùng Lâu (hiệu sách cũ)					1 300 000	Bổ sung mới	
29	Phố Tùng Lâu		Từ nhà bà Thanh Huân đến hết BQL chợ	3 200 000	4 000 000	800 000			Gần chợ trung tâm, cơ sở hạ tầng đầy đủ, đường rộng	25
30			Từ đất nhà Tuấn Hương đến hết đất Trạm vật tư	3 200 000	4 000 000	800 000				25
31			Từ hết đất Ban quản lý chợ đến cầu đập tràn Tùng Lâu	1 500 000	2 000 000	500 000			Dự án nâng cấp QL4, hình thành các cụm TTCN, đường nhỏ, dốc	33
32	Phố Na Bủ		Từ đất nhà ông Bốn Thương đến hết nhà Tung Sinh (đường sau chợ huyện)	3 500 000	4 500 000	1 000 000			Phù hợp giá trị trường, gần chợ trung tâm, bên xe, thuận lợi kinh doanh	29

33			Đoạn nối tiếp đường sau chợ đến bên xe khách mới	3 000 000	4 000 000	1 000 000				33	
34	Đường Nội thị		Từ đất nhà ông Lù Văn Ngán đến hết đất nhà ông Lục Thượng Năm (Bây)	450 000	500 000	50 000			Phù hợp giá trị trường	11	
35			Từ đất nhà ông Thất đến hết đất nhà ông Hiền Tập (cũ) + Nhánh nhà Dũng Duyên	450 000	500 000	50 000			Phù hợp giá trị trường	11	
36			Đường sau xí nghiệp nước đến Ban quản lý rừng phòng hộ	1 000 000	1 300 000	300 000			Phù hợp giá trị trường	30	
37			Từ đất nhà ông Sân (đường bê tông dọc thôn Tùng Lâu) đến chân dốc đỏ	600 000	700 000	100 000			Phù hợp giá trị trường	17	
38			Từ nghĩa trang đi điểm dân cư Na Chảy đến QL 4	450 000	500 000	50 000			Phù hợp giá trị trường	11	
39			Từ cách nhà hàng Anh Mùi 85m (đường Mường Khương - Pha Long) đến hết đất nhà ông Duyên Lèng	450 000	500 000	50 000			Phù hợp giá trị trường	11	
40			Từ đất nhà bà Trịnh Thị Lan (số nhà 05) đến hết đất nhà ông Vàng Pá Mìn						500 000	Bổ sung mới	
41			Từ cách nhà bà Vân Đại (cách đường trung tâm huyện lỵ - Pha Long 85m) đến hết đất nhà bà Hoà Tình	450 000	500 000	50 000			Phù hợp giá trị trường	11	
42			Từ cách đường Mường Khương - Pha Long 85 m (ngõ nhà ông Thắng Tuyết) đến hết đất nhà ông Đệ Quân	500 000	600 000	100 000			Phù hợp giá trị trường	20	
43			Từ nhà bà Nhuận đến hết đất nhà ông Cáo Sín Mìn	550 000	650 000	100 000			Phù hợp giá trị trường	18	

44		Đường nhánh từ sau đất nhà ông Tú đến hết đất nhà ông La Ngọc Bảo	450 000	500 000	50 000			Phù hợp giá trị trường	11
45		Từ đất nhà bà Soáng đến hết đất nhà bà Lục Thị Ngọc	450 000	500 000	50 000			Phù hợp giá trị trường	11
46	Đường Nội thị	Đường nhánh Cửa hàng Dược sau 85m đến hết đất nhà ông Lù Văn Khay (Giá)	550 000	650 000	100 000			Phù hợp giá trị trường	18
47		Sau nhà văn hoá Thanh Niên đến đập tràn Tùng Lâu	400 000	450 000	50 000			Phù hợp giá trị trường	13
48		Từ đất nhà ông Lùng Văn Din đến hết đất nhà ông Hoàng Trà Sến	500 000	600 000	100 000			Phù hợp giá trị trường	20
49		Đường từ UBND thị trấn cũ đi thôn Sáng Chải	800 000	1 200 000	400 000			Phù hợp giá trị trường	50
50		Từ cách đường Mừng Khương - Pha Long 85m đến hết đất tiểu khu cũ (nhánh nhà bà Mùi Khoát)	450 000	500 000	50 000			Phù hợp giá trị trường	11
51		Từ nhà ông Thân Thanh đến hết đất khu chăn nuôi cũ (nhánh nhà ông Đỗ Văn Phóng)	400 000	450 000	50 000			Phù hợp giá trị trường	13
52		Từ cầu giáp nhà ông Pờ Sảo Mìn đến thủy lợi Thu Bò	450 000	500 000	50 000			Phù hợp giá trị trường	11
53		Từ đất nhà bà Chúc đến hết đất nhà ông Sang (gần cầu Na Bủ)	300 000	350 000	50 000			Phù hợp giá trị trường	17
54		Từ sân kho Na Bủ đến hết đất nhà Thu Hương (đường đi Năm Lư)	500 000	600 000	100 000			Phù hợp giá trị trường	20
55		Từ hết đất nhà Thu Hương đến hết khu dân cư Na Đầy (đường đi Năm Lư)	450 000	500 000	50 000			Phù hợp giá trị trường	11
56	Đường Nội thị	Thôn Na An	200 000	250 000	50 000			Phù hợp giá trị trường	25
57		Thôn Nhân Giồng	300 000	400 000	100 000			Phù hợp giá trị trường	33

58		Thôn Sả Hồ	200 000	200 000				Không biến động về giá đất	
59		Điểm dân cư Ngam A	200 000	200 000				Không biến động về giá đất	
60		Điểm dân cư Na Pủ Sáo thuộc thôn Na Khui	300 000	350 000	50 000			Phù hợp giá trị trường	17
61		Các thôn và điểm dân cư còn lại không thuộc các đoạn đường, ngõ phố ở trên	180 000	200 000	20 000			Phù hợp giá trị trường	11
62	Lỗi đất sau làn dân cư	Lỗi đất kẹp giữa đoạn từ Hải quan đến cầu Trắng (Phố cũ 1) và đoạn từ đường góc vãi nổi QL4 đoạn tránh thị trấn	390 000	500 000	110 000			Phù hợp giá trị trường	28
63		Từ cầu Trắng đến hết đất nhà Xuyên Toả					450 000	Bổ sung mới do QĐ 52/2013/QĐ-UBND chưa có	
64		Từ nhà bà Thanh Huân đến trường cấp 3 cũ					500 000		
65		Từ trường cấp 3 cũ đến hết ngã tư Na Bủ rẽ vào Na Đầy (hết đất nhà Thu Tiềm)					500 000		
66		Lỗi đất sau làn dân cư	Lỗi đất đoạn từ ngã 4 Na Bủ rẽ Na Đầy đến cầu Trắng Na Bủ	390 000	450 000	60 000			Phù hợp giá trị trường
67		Từ cầu Na Bủ đến giáp Bưu điện văn hoá thôn Hàm Rồng					500 000	Bổ sung mới do QĐ 52/2013/QĐ-UBND chưa có	
68		Từ Bưu điện Văn hoá thôn Hàm Rồng đến đường rẽ lên UBND xã Tung Chung Phố					450 000		
69		Lỗi đất đoạn từ trường tiểu học số III thị trấn Mường Khương đến đường đi UBND xã Tung Chung Phố	600 000	600 000				Không biến động về giá đất	
70		Các lỗi đất còn lại sau làn dân					300 000	Bổ sung mới do QĐ 52/2013/QĐ-UBND chưa có	



